

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

TẬN DỤNG CÁC ƯU ĐÃI TỪ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO TRONG BỐI CẢNH MỚI

Thực hiện Công điện số 238/CD-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu trong thời gian tới, thực hiện chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên về việc tuyên truyền phổ biến các Hiệp định thương mại tự do (FTA).

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp tổ chức Hội nghị “Tận dụng các ưu đãi từ Hiệp định thương mại tự do trong bối cảnh mới”.



Phát biểu khai mạc tại Hội nghị, ông Phan Văn Chính cho biết: Năm 2023, theo đánh giá của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế của Việt Nam dự kiến sẽ đạt mức 5,8%, Ngân hàng Phát

triển châu Á (ABD) dự báo con số này sẽ có thể đạt mức 6,7%. Trong khi đó, theo báo cáo của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) công bố gần nhất, dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2023 chỉ ở mức 2,4% và tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu ở mức 1,7%, giảm so với mức 2,7% của năm 2022. Có thể thấy, những khó khăn của nền kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu vào cuối năm 2022 chưa thể khắc phục được ngay và đã kéo dài sang đầu năm 2023. Điều này thể hiện ở GDP quý I/2023 chỉ tăng 3,32%, là mức giảm sâu nhất từ năm 2011 đến nay, kim ngạch xuất khẩu quý I đã sụt giảm 11,9% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 79,17 tỷ USD. Xuất khẩu một số mặt hàng có sự sụt giảm so với cùng kỳ năm 2022 như thủy sản giảm 27,3%, cao su giảm 25,7%, dệt may giảm 16,8%, giày dép giảm 17,6%,... Tuy nhiên, một số mặt hàng chủ lực ghi nhận sự tăng trưởng như gạo tăng 34,3%, rau quả tăng 16,2%, hạt điều tăng 4,5%,... Về thị trường xuất khẩu, các thị trường xuất khẩu lớn cũng đã ghi nhận mức tăng trưởng âm trong quý I như Trung Quốc giảm 11%, Nhật Bản giảm 0,4%, ASEAN giảm 0,3%, EU giảm

9,7%, Liên bang Nga giảm 32,8%, Hoa Kỳ giảm 20,9%, Canada giảm 18,4%,...

Theo Cục Xuất nhập khẩu, đến nay Việt Nam đã tham gia và đang đàm phán 18 FTA, trở thành quốc gia duy nhất đã ký kết Hiệp định thương mại tự do với tất cả các đối tác kinh tế lớn trên toàn cầu như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, EU, Anh, Nga,... Nổi bật trong các FTA mà Việt Nam đã ký kết là Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

Các FTA này cung cấp cho doanh nghiệp Việt Nam nhiều lợi thế, thúc đẩy hoạt động giao thương, xuất khẩu hàng hoá phát triển, mang sản phẩm Việt Nam, thương hiệu từ Việt Nam chạm đến tay người tiêu dùng cuối cùng tại nhiều thị trường lớn trên thế giới.

Trao đổi tại Hội nghị, một số doanh nghiệp cũng đề xuất Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương cần tổ chức thêm một số hội nghị chuyên đề liên quan đến việc hỗ trợ, hướng dẫn các giải pháp cụ thể để doanh nghiệp tận dụng hiệu quả các cơ hội từ các FTA mang lại. Song song với đó, nhiều doanh

nh nghiệp cũng đề xuất Bộ Công Thương, Sở Công Thương có những hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp về các thông tin, quy định đối với các thị trường xuất khẩu mà nông sản tỉnh Đồng Tháp có tiềm năng mở rộng thị trường.

Phát biểu tại Hội nghị, ông Phan Văn Chinh - Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu cho rằng, để được hưởng ưu đãi thuế quan trong FTA, các doanh nghiệp cần đáp ứng các quy tắc xuất xứ hàng hoá. Trong thời gian tới, việc triển khai các FTA sẽ bước vào giai đoạn thực thi những cam kết mạnh mẽ hơn. Vì vậy cần kết nối, phối hợp chặt chẽ hơn nữa từ cơ quan quản lý trung ương, địa phương với các hiệp hội, doanh nghiệp, hợp tác xã, hội nông dân... để tận dụng cơ hội từ các FTA mang lại.

(moit.gov.vn)

XÂY DỰNG HÀNG RÀO KỸ THUẬT NGHIÊM NGẶT, KIỂM SOÁT CHẶT CHẼ NHẬP KHẨU CÁC SẢN PHẨM CHĂN NUÔI

Vừa qua, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT) đã tổ chức hội nghị đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp chăn nuôi gia cầm trong tình

hình mới.

Báo cáo về thực trạng chăn nuôi gia cầm ông Tổng Xuân Chinh - Phó Cục trưởng Cục chăn nuôi (Bộ NN&PTNT) cho biết, nhìn chung tổng đàn gia cầm những năm vừa qua có xu hướng tăng với tốc độ tăng trưởng bình quân là 6,3%/năm.

Đánh giá chung về thị trường chăn nuôi, ông Chinh chia sẻ, trong những năm qua, lĩnh vực chăn nuôi gia cầm ghi nhận nhiều tiến bộ kỹ thuật về phương thức nuôi, con giống đã góp phần chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp một cách hợp lý, hiệu quả hơn.

Theo ông Chinh, tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết, gắn với thị trường tiêu thụ còn hạn chế. Việc thực hiện quy trình chăn nuôi bảo đảm an toàn sinh học, đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu còn chưa được chú trọng dẫn đến sản lượng sản phẩm gia cầm xuất khẩu chưa cao, giá trị chưa lớn.

Với vai trò đại diện ngành hàng, ông Nguyễn Thanh Sơn - Chủ tịch Hiệp hội Chăn nuôi gia cầm Việt Nam (VIPA) cho biết, ngành chăn nuôi còn tồn tại nhiều mảng tối song song bên cạnh những thành tựu đạt được. Trước bối cảnh đó, ông Sơn đề nghị Bộ NN&PTNT

xem xét rà soát lại chiến lược phát triển gia cầm trong trung và dài hạn, định hướng phát triển cần hài hòa giữa phát triển số lượng và chất lượng, coi trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất hơn là tăng quá nóng về số lượng. Các bộ ngành và địa phương cần xem xét kỹ lưỡng các dự án đầu tư mới, đặc biệt là đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất thịt lợn và gia cầm.

Thịt gà đông lạnh nhập khẩu tăng mạnh

Ông Sơn đặc biệt nhấn mạnh sự báo động của sụt giảm tỉ suất lợi nhuận của ngành chăn nuôi gia cầm trong thời gian qua. Đồng thời, dịch bệnh hiện vẫn đang diễn ra, một số bệnh trong chăn nuôi gia cầm vẫn chưa thể kiểm soát được.

Đáng chú ý là, thịt gà đông lạnh nhập khẩu trong thời gian qua đã tăng rất nhiều, tăng mạnh hơn cả sản xuất trong nước. Điều này ít nhiều ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước trong thị trường tiêu thụ nội địa.

Cụ thể, tổng giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi năm 2022 lên tới 3,32 tỷ USD, trong khi giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi ước đạt 409 triệu USD, giảm 7,1%. Cán

cân thương mại sản phẩm chăn nuôi thâm hụt 2,92 tỷ USD. Trong 5 năm gần đây sản lượng thịt gà nhập khẩu hàng năm tăng liên tục (trên 15%/năm), chiếm 20-25% tổng sản lượng thịt gà tiêu thụ trong nước.



Bên cạnh các sản phẩm thịt gà nhập khẩu chính ngạch, hàng năm, một khối lượng lớn gà để loại thải được nhập tiêu ngạch, thậm chí nhập lậu qua biên giới (theo ước tính của các chuyên gia khoảng 200-250 ngàn tấn/năm).

Trong khi ở trong nước cấm người chăn nuôi sử dụng hai loại hócmon trên cho gia súc, gia cầm. Do vậy, cũng phải cấm nhập khẩu các sản phẩm thịt từ các nước có sử dụng Ractopamine, Cysteamine để tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng cho các doanh nghiệp sản xuất, chăn nuôi trong nước.

Cần có các biện pháp phi thuế quan bảo vệ sản xuất trong nước

Từ những khó khăn trên, đại diện VIPA cho rằng cần tăng cường

kiểm soát, tập trung ngăn chặn, phát hiện xử lý nghiêm những trường hợp vận chuyển trái phép động vật, sản phẩm động vật qua biên giới, trong đó có gà để loại thải, tạo hành lang biên giới an toàn nhằm ngăn chặn dịch bệnh tái bùng phát và gây áp lực lên thị trường trong nước.

Theo ông Sơn, cần rà soát lại chiến lược phát triển ngành gia cầm trong trung hạn và dài hạn. Theo đó, định hướng phát triển cần hài hòa giữa phát triển số lượng và chất lượng, coi trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất hơn là tăng quá nóng về số lượng. Đồng thời cần hạn chế tăng số lượng và quy mô trang trại tại một số khu vực, vùng sinh thái có mật độ chăn nuôi cao.

Về mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm gia cầm, đại diện VIPA đề xuất đẩy mạnh công tác đàm phán mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm thịt trứng gia cầm chế biến, con giống ngoài thị trường Nhật Bản.

Một vấn đề quan trọng cũng được VIPA đề xuất là kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu các sản phẩm chăn nuôi. So với các nước có nền chăn nuôi phát triển, các quy định về nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi của

nước ta còn dễ dãi và lỏng lẻo. Trong khi đó, để xuất khẩu được sản phẩm thịt trứng gia cầm, chúng ta phải chịu rất nhiều rào cản kỹ thuật nghiêm ngặt tại các nước nhập khẩu, khiến các mặt hàng sản phẩm chăn nuôi của ta đang bị yếu thế và thiệt thòi ngay trên sân nhà.

Kết luận hội nghị, Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Phùng Đức Tiến cho rằng, trong bối cảnh khó khăn bủa vây, ngành chăn nuôi gia cầm cần nâng cao sức cạnh tranh của ngành hàng. Đồng thời yêu cầu Cục chăn nuôi phối hợp với Văn phòng Chính phủ sớm ban hành Quyết định hỗ trợ chăn nuôi, với các cơ chế hỗ trợ giống, thức ăn chăn nuôi, chi phí sản xuất để giảm áp lực cho các doanh nghiệp, hộ chăn nuôi nhỏ lẻ.

Chỉ ra 3 vấn đề cần giải quyết, đó là giống, thức ăn và đất đai, Thứ trưởng Phùng Đức Tiến nhấn mạnh, trong lúc này các doanh nghiệp ngành chăn nuôi không nên bị quan, mà hãy tập trung nâng cao năng lực, công nghệ, tập trung xúc tiến thương mại để thúc đẩy ngành chăn nuôi vượt qua thách thức.

(vietq.vn)

CẬP NHẬT YÊU CẦU CỦA ÚC VỀ GIẤY CHỨNG NHẬN

TBT VÀ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG - 5

KIỂM DỊCH THỰC VẬT ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 01/7/2023

Ngày 15/5/2023, Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Úc ra thông báo số 115-2023: cập nhật yêu cầu về giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với hàng hóa nhập khẩu.

Thông báo này bổ sung thêm thông tin cho thông báo 02-2023 và thông báo 93-2023 bằng việc làm rõ các yêu cầu nhập khẩu của Úc về giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đã được đóng dấu/hoặc ký điện tử kèm theo mã QR hoặc liên kết web để có thể xác minh trực tuyến.

Theo đó, Bộ Nông nghiệp Úc chấp nhận các mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật: Bản gốc, bản sao có chứng thực của giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (bằng bản giấy hoặc bản pdf) có đầy đủ ngày tháng, ký và đóng dấu.

Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật không có chữ ký bằng mực, chữ ký được in, con dấu ướt hoặc con dấu được in phải đảm bảo các tiêu chí sau:

1. Một con dấu hoặc logo trên giấy tờ của Cục bảo vệ thực vật nước xuất khẩu (Việt Nam là Cục

bảo vệ thực vật – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

2. Một chữ ký điện tử/hoặc một thông báo của cơ quan chức năng nước xuất khẩu rằng giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đó được ký/duyet điện tử.

3. Mã QR hoặc liên kết web cho phép xác minh trực tuyến chứng từ này.

4. Chứng nhận kiểm dịch thực vật điện tử được cung cấp phải được bảo mật và thông qua thỏa thuận trao đổi kỹ thuật số giữa chính phủ với chính phủ, được gọi là “ePhyto/eCert”. Tới Tháng 5/2023, Úc mới có thỏa thuận trao đổi kỹ thuật số với New Zealand trong thông quan nhập khẩu.

Nhóm 19 đã được sắp xếp

Những trường hợp được công nhận nộp tờ khai nhập khẩu theo thỏa thuận Nhóm 19 đã được duyệt chỉ được chấp nhận giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật bằng bản giấy đáp ứng các yêu cầu của Úc như đã mô tả ở trên và phải tuân thủ tất cả các yêu cầu trong BICON và Thỏa thuận được phê duyệt Nhóm 19.

Mã QR hoặc liên kết trang web đến hệ thống xác minh trực tuyến của Cơ quan bảo vệ thực vật quốc gia có thể được sử dụng để giải đáp

lo ngại về tính xác thực của Chứng nhận kiểm dịch thực vật.

Khi có những lo ngại về tính xác thực sau khi đã cố gắng xác minh giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, những trường hợp được công nhận liên hệ với Bộ Nông nghiệp Úc theo địa chỉ email: entrymanagement@agriculture.gov.au.

(vietnamexport.com)

NÔNG SẢN VÀO THỊ TRƯỜNG EU PHẢI ĐÁP ỨNG TIÊU CHUẨN XANH

Trong buổi làm việc mới đây với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ông Gabor Fluit, Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) nhấn mạnh, nông sản Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU phải đáp ứng các yêu cầu về tăng trưởng xanh và giảm phát thải.

Nông sản sang EU có dấu hiệu chững lại

Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Trần Thanh Nam cho biết, 2023 là năm khó khăn với xuất nhập khẩu nông sản, thương mại nông sản Việt Nam - EU cũng có dấu hiệu chững lại; quý I.2023, kim ngạch xuất nhập khẩu nông sản sang EU đạt

1,2 tỷ USD, giảm 14% so với cùng kỳ năm 2022 (khoảng 1,4 tỷ USD).

Theo TS. Nguyễn Đăng Nghĩa, chuyên gia nông nghiệp, ngành nông nghiệp Việt Nam đã tận dụng được nhiều lợi thế trong xuất khẩu sang EU từ khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực. Tuy nhiên, khách quan mà nói, năm 2023 kinh tế EU gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng thấp trong khi lạm phát cao (hơn 7% ở EU và 6,1% ở khu vực đồng Euro). Điều này ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng, đồng nghĩa gây khó cho các quốc gia xuất khẩu hàng hóa vào EU. Về chủ quan, nông sản Việt Nam mạnh về sản lượng nhưng yếu về chất lượng, chưa đáp ứng tiêu chuẩn, yêu cầu của từng quốc gia nói riêng và của khối EU nói chung.

Đặc biệt, EU đang thảo luận về một "thỏa thuận xanh" nhằm giảm sự rò rỉ carbon do việc nhập khẩu nông sản từ các quốc gia có hệ thống sản xuất sử dụng nhiều carbon, TS. Nguyễn Đăng Nghĩa cho biết. Trong khi đó, phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta vẫn còn quá lớn. Bà con nông dân còn sử dụng quá nhiều phân hóa học (xấp xỉ 12 triệu

tấn mỗi năm). Việc quản lý nguồn carbon trong sản xuất và trong tự nhiên của nước ta chưa tốt. Chưa thực hiện tốt quy trình nông nghiệp tuần hoàn, còn sử dụng lãng phí hoặc chưa khai thác hiệu quả của phế phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp. Nhìn chung, nhận thức về tăng trưởng xanh đã thay đổi nhưng để thực hiện trong sản xuất với quy mô lớn thì còn gặp nhiều khó khăn và còn bất cập trong quản lý và chỉ đạo việc thực hiện.

Phải có tiêu chuẩn xanh cho quy trình sản xuất

Trong Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đặt mục tiêu đến năm 2030 sẽ giảm thâm dụng đầu vào hóa chất nông nghiệp, tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực tự nhiên trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Cụ thể là tỷ lệ phân bón hữu cơ được sản xuất và tiêu thụ đạt hơn 30%; số lượng thuốc bảo vệ thực vật sinh học trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng đạt hơn 30%; chuyển đổi 300.000ha đất lúa sang trồng các loại cây trồng khác có hiệu quả cao hơn về kinh tế và môi trường; diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt

hơn 2%; tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ đạt khoảng 2 - 3%...

Để đạt các mục tiêu này, Bộ sẽ tăng cường huy động nguồn lực đầu tư cho tăng trưởng, phát triển nông nghiệp xanh; hoàn thiện cơ chế chính sách thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng nông nghiệp theo hướng xanh, sinh thái. Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp xanh, sinh thái. Thực hiện chuyển đổi số và đổi mới công nghệ để sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; phát triển cơ sở hạ tầng xanh thích ứng biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính...

Bên cạnh đó, hướng tới mục tiêu "Net Zero" vào năm 2050, thời gian qua Bộ đã triển khai thực hiện một số dự án carbon rừng, xây dựng Đề án 1 triệu héc ta lúa chất lượng cao, giảm phát thải tại đồng bằng sông Cửu Long; chỉ đạo xây dựng vùng nguyên liệu cà phê Tây Nguyên giảm phát thải, phát triển bền vững.

Việt Nam cần khẩn trương sản xuất nông sản theo hướng hữu cơ và đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn của khách hàng, TS. Nguyễn Đăng Nghĩa nhấn mạnh. Đặc biệt, ông cho rằng phải có "tiêu chuẩn xanh"

của quy trình sản xuất và cần có giấy xác nhận. Bên cạnh đó, xây dựng các chuỗi liên kết giá trị gia tăng từ khâu sản xuất đến tiêu dùng; tổ chức sản xuất với quy mô vùng nguyên liệu lớn; xây dựng nhãn hiệu và thương hiệu nông sản Việt Nam có uy tín.

(daibieunhandan.vn)

TIN CẢNH BÁO VỀ TBT CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN

Cảnh báo về Dự thảo sửa đổi một phần tiêu chí về kích thước và chất lượng tiêu chuẩn sản phẩm gỗ của Hàn Quốc

Ngày 11/04/2023, Hàn Quốc đã gửi một thông báo (mã G/TBT/N/KOR/1133) cho Ban Thư ký WTO về Dự thảo sửa đổi một phần tiêu chí về kích thước và chất lượng tiêu chuẩn của sản phẩm gỗ.

Dự thảo này quy định các tiêu chí về kích thước, chất lượng tiêu chuẩn, và yêu cầu ghi nhãn đối với sản phẩm gỗ được sản xuất, nhập khẩu và phân phối tại Hàn Quốc. Dự thảo gồm 169 trang, bằng tiếng Hàn Quốc, bao gồm các nội dung sau:

1. Bổ sung ván dăm kết cấu vào các loại ván dăm và thiết lập các tiêu chuẩn chất lượng liên quan,

phương pháp thử nghiệm và các thuật ngữ được xác định.

2. Sửa đổi phân loại và chỉ dẫn về khả năng chống cháy để phù hợp với Thông báo 2023-24 của Bộ Đất đai và Giao thông vận tải (Tiêu chuẩn quản lý và công nhận chất lượng đối với vật liệu xây dựng).

3. Bổ sung Tiêu chuẩn Công nghiệp Hàn Quốc liên quan đến ván dăm.

Theo đó, Dự thảo đưa ra các quy định bắt buộc cụ thể đối với ghi nhãn sản phẩm gỗ cần phải có như: tên nước sản xuất, tên nhà sản xuất, kích thước, thành phần độ ẩm, thời gian sản xuất, tên sản phẩm và loại gỗ phải được hiển thị bằng tiếng Anh...

(TH)

MỘT SỐ THÔNG BÁO CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO TRONG THÁNG 5/2023

1. Nước: Tanzania

- TB: G/TBT/N/BDI/260/Add.1, G/TBT/N/KEN/1289/Add.1, G/TBT/N/RWA/695/Add.1, G/TBT/N/TZA/814/Add.1, G/TBT/N/UGA/1665/Add.1

Nội dung: DEAS 788:2022, Bột giặt tổng hợp - Đặc điểm kỹ thuật, phiên bản thứ hai.

2. Nước: Burundi

- TB: G/TBT/N/BDI/262/Add.1, G/TBT/N/KEN/1291/Add.1, G/TBT/N/RWA/697/Add.1, G/TBT/N/TZA/816/Add.1, G/TBT/N/UGA/1667/Add.1

Nội dung: DEAS 815:2022, Xà phòng cục - Đặc điểm kỹ thuật, phiên bản thứ hai.

3. Nước: Rwanda

- TB: G/TBT/N/BDI/170/Add.1, G/TBT/N/RWA/561/Add.1, G/TBT/N/TZA/658/Add.1, G/TBT/N/UGA/1490/Add.1

Nội dung: DEAS 832:2021, Ngành công nghiệp cá - Độ sạch và vệ sinh trong vận hành - Hướng dẫn, phiên bản thứ hai.

4. Nước: Mỹ

- TB: G/TBT/N/USA/1984

Nội dung: Chương trình hữu cơ quốc gia: Đánh giá hoàng hôn và đổi mới chất vào năm 2023 và 2024.

5. Nước: El Salvador

- TB: G/TBT/N/SLV/226

Nội dung: Công nghệ thông tin. Điện tử. Yêu cầu để thực hiện chữ ký bảo lãnh hoặc kế hoạch hành động của nhà cung cấp dịch vụ chứng nhận hoặc nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ tài liệu điện tử.

6. Nước: Kê-ni-a

- TB: G/TBT/N/BDI/261/Add.1, G/TBT/N/KEN/1290/Add.1,

G/TBT/N/RWA/696/Add.1,
G/TBT/N/TZA/815/Add.1,
G/TBT/N/UGA/1666/Add.1

Nội dung: DEAS 812:2022,
Nước rửa tay dạng lỏng tổng hợp
và kết hợp (xà phòng và chất tổng
hợp) – Đặc điểm kỹ thuật, phiên
bản thứ hai.

(TH)

TCĐLCL VÀ DOANH NGHIỆP

THÔNGIỆP NGÀY ĐO LƯỜNG THẾ GIỚI 2023: ĐO LƯỜNG HỖ TRỢ HỆ THỐNG LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM TOÀN CẦU

*Giám đốc Viện cân đo quốc tế -
BIPM và Giám đốc Văn phòng đo
lường pháp định quốc tế - BIML đã
công bố thông điệp về chủ đề Ngày
đo lường thế giới năm 2023: Đo
lường hỗ trợ hệ thống lương thực -
thực phẩm toàn cầu.*

Lương thực - thực phẩm là mối
quan tâm lớn đối với mỗi người
chúng ta. Cung cấp quyền tiếp cận
với lương thực - thực phẩm an toàn
và giá cả phải chăng vẫn là thách
thức lớn đối với các chính phủ trên
toàn thế giới. Đây cũng là mục tiêu
của nông dân và các nhà sản xuất
lương thực - thực phẩm mà sản

phẩm thương mại của họ tới được
người tiêu dùng thông qua các nhà
phân phối và người bán lẻ trên
phạm vi quốc tế, quốc gia và khu
vực. Trong năm 2021, giao dịch
này trị giá 22 nghìn tỷ USD và ước
tính xấp xỉ 20% giá trị thương mại
toàn cầu.

Để giao dịch quốc tế và tiếp cận
những thị trường sản phẩm giá trị
cao, các nhà sản xuất phải có khả
năng cho thấy họ đáp ứng những
tiêu chuẩn về lương thực - thực
phẩm. Ngoài ra, chính phủ cần
phải đảm bảo thương mại an toàn
và công bằng, đặc biệt là tại thị
trường lương thực - thực phẩm địa
phương. Tất cả những điều này
được hỗ trợ bằng các phép đo tin
cậy về số lượng và chất lượng của
lương thực - thực phẩm nguyên sơ
và chế biến.



Anthony Dorellan
Giám đốc Văn phòng Đo lường pháp định quốc tế (BIML)



Martin Hillon
Giám đốc Văn phòng Cân đo Quốc tế (BIPM)

Tâm điểm dành cho Ngày Đo
lường thế giới năm 2023 là những
thách thức đo lường phải được giải
quyết để làm cho hệ thống lương
thực - thực phẩm toàn cầu hoạt
động.

Ví dụ như: Việc định lượng lương thực - thực phẩm bán và mua được đo theo khối lượng hoặc thể tích của nó. Những phép đo này trải rộng từ thể tích lớn của thóc gạo và lúa mì trong giao dịch quốc tế đến các phép cân đo trực tuyến nhanh chóng đảm bảo cho hàng đóng gói sẵn được dán nhãn chính xác; Việc bảo quản và đóng gói lương thực - thực phẩm hiệu quả phụ thuộc vào việc kiểm tra chính xác nhiệt độ và độ ẩm của môi trường lưu giữ chúng;

Chất lượng và tính xác thực của lương thực - thực phẩm được xác định bằng cách đo các thành phần hóa học của nó. Điều này đòi hỏi các phép đo để đảm bảo lương thực - thực phẩm có mức vitamin đã công bố thông qua các phép đo thành phần đồng vị để xác nhận nguồn gốc của những thực phẩm giá trị cao như mật ong hoặc rượu; sự an toàn của lương thực - thực phẩm được đảm bảo bằng các phép đo cân trọng kỹ lưỡng để phát hiện những ô nhiễm hóa chất, ví dụ như dư lượng thuốc trừ sâu và kim loại nặng hoặc ô nhiễm sinh học, ví dụ như độc tố nấm mốc.

Hiện nay người ta đã nhận ra sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và tác động của biến đổi khí hậu đặt

ra những thách thức nghiêm trọng đối với hệ thống lương thực - thực phẩm toàn cầu sao cho mục tiêu của thế giới không có nạn đói và sự tiếp cận phổ biến đối với nước sạch đã được bao gồm trong số các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hiệp quốc.

(vietq.vn)

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO – ĐIỀU KIỆN TẤT YẾU CHO DOANH NGHIỆP TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN

Hiện nay, môi trường kinh doanh biến động nhanh, linh hoạt và cạnh tranh cao, hoạt động đổi mới sáng tạo, nghiên cứu phát triển và tìm kiếm các mô hình kinh doanh mới sẽ mang lại rất nhiều lợi ích cho doanh nghiệp, trong đó phải kể đến Công ty CP Tập đoàn Austdoor - một trong những doanh nghiệp vật liệu xây dựng tiên phong đổi mới, sáng tạo trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Chia sẻ về vấn đề này, theo ông Vũ Trọng Trung - Giám đốc Khôi Nghiên cứu & Phát triển - Công ty CP Tập đoàn Austdoor, công tác đổi mới sáng tạo là tất yếu của mọi doanh nghiệp, trong mọi điều kiện, hoàn cảnh khác nhau để tồn tại và phát triển. Trong bối cảnh thị

trường kinh doanh thuận lợi, nghiên cứu sáng tạo luôn là động lực tiên quyết cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh kinh tế thị trường có nhiều biến động thì việc đổi mới sáng tạo lại càng trở nên quan trọng và phải phát huy tối đa công tác đổi mới sáng tạo để tối ưu chi phí hoạt động và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

Tập đoàn Austdoor nghiên cứu phát triển sản phẩm, ứng dụng công nghệ vào sản phẩm như cửa cuốn, nhôm công nghiệp, vật liệu nhẹ và đầu tư mới vào lĩnh vực nội thất cũng tạo ra cho Austdoor cơ hội bứt phá, lợi thế khác biệt trên thị trường, từ đó thu hút sự ủng hộ và tin tưởng của đối tác, khách hàng.



Là đơn vị hoạt động trong ngành vật liệu xây dựng vốn khá truyền thống, Tập đoàn luôn nhận thức rất rõ tầm quan trọng của việc phải đổi mới sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nhất là công

nghệ 4.0, chuyển đổi số vào sản xuất cung ứng và kinh doanh. Đây là hoạt động lớn mà Tập đoàn Austdoor theo đuổi, đầu tư gần 5 năm qua cũng như trong thời gian tới để chuyển dịch tổ chức theo xu thế phát triển chung.

Cũng theo ông Trung, ngoài việc ứng dụng tiến bộ công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh đã được doanh nghiệp triển khai từ sớm, thì ứng dụng chuyển đổi số cũng đang là hoạt động mà Austdoor chú trọng và đầu tư.

Tập đoàn Austdoor có hệ thống phân phối rộng khắp toàn quốc, công tác quản lý hoạt động kinh doanh cũng được quan tâm thông qua việc đưa công nghệ số giúp nắm bắt được các doanh nghiệp phân phối sản phẩm, giúp tạo ra nhiều giá trị cho khách hàng và tạo ra sự dịch chuyển.

Ngoài ra, tập đoàn cũng liên tục tìm kiếm các mô hình sản xuất, kinh doanh mới trên nền tảng công nghệ hiện đại, đặc biệt về lĩnh vực thương mại điện tử giúp cho tập đoàn mở rộng được quy mô kinh doanh và tăng trưởng kinh doanh nhanh hơn.

Việc đổi mới sáng tạo, ứng dụng tiến bộ công nghệ tại các doanh nghiệp cần rất nhiều yếu tố để

thành công, nhưng những yếu tố quan trọng như: Sự đầu tư và cam kết lâu dài, văn hóa đổi mới, năng lực cốt lõi và khả năng triển khai.

Trong đó, sự đầu tư và cam kết lâu dài là đổi mới sáng tạo nói chung, ứng dụng công nghệ, chuyên đổi số nói riêng là hoạt động dài hơi cần sự đầu tư và quyết tâm rất cao của Lãnh đạo doanh nghiệp cũng như toàn bộ tổ chức; Văn hoá đổi mới là việc cải tiến, thay đổi cao hơn là sáng tạo, nếu chỉ hô hào sẽ rất khó mang lại hiệu quả, nó cần được xây dựng, duy trì, nhân rộng trong tổ chức như một nét văn hoá.

Năng lực cốt lõi và khả năng triển khai là việc ứng dụng công nghệ số, chuyên đổi số cần dựa trên cơ sở có sản phẩm tốt, nguồn nhân lực tốt, mô hình kinh doanh phù hợp, đây cũng là thách thức mà các doanh nghiệp phải xác định rõ ngay từ đầu để có thể phát huy được đúng giá trị của công nghệ.

(vietq.vn)

CÀN ÁP DỤNG HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC QUỐC GIA

Việc truy xuất nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, hàng hóa là hết sức cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Tuy nhiên, việc truy xuất nguồn gốc đang bị phân tán do chưa kết nối, chia sẻ giữa các ngành, địa phương với nhau. Để bảo đảm kết nối tốt, cần áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc gia.

Đây là ý kiến của nhiều nhà quản lý, chuyên gia, doanh nghiệp tại Hội thảo khoa học với chủ đề "Thông tin truy xuất nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm" được tổ chức vào ngày 16/5.

Tại hội thảo, ông Nguyễn Hoàng Linh, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Bộ KH&CN) cho biết, việc truy xuất nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, hàng hóa là hết sức cấp thiết trong bối cảnh hiện nay, đặc biệt là khi nhu cầu minh bạch nguồn gốc, chất lượng sản phẩm hàng hóa được quan tâm nhiều hơn và trở thành tiêu chí bắt buộc trong xuất khẩu.

Việc truy xuất nguồn gốc góp phần vào chuyên đổi số của doanh nghiệp, hỗ trợ quản trị nội bộ nhằm tối ưu hiệu quả hoạt động, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao vị thế thương hiệu, tạo dựng niềm tin với người tiêu dùng, tạo môi trường kinh doanh minh bạch. Đồng thời tạo lập cơ sở dữ liệu được cập nhật và bổ sung

theo thời gian thực giúp thống kê, báo cáo chính xác phục vụ hiệu quả cho việc xây dựng và thực thi chiến lược, chính sách, kế hoạch; phát triển giải pháp và dịch vụ đáp ứng tốt hơn nhu cầu của doanh nghiệp đồng thời phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế.

Nghị định số 13/2022/NĐ-CP đã quy định trách nhiệm của Bộ KH&CN giúp Chính phủ quản lý nhà nước về hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; hướng dẫn nâng cao năng lực kỹ thuật cho hoạt động truy xuất nguồn gốc và hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực, phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành và địa phương; quy định hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu...

Bên cạnh đó, Đề án 100 theo Quyết định số 100/QĐ-TTg phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc cũng đề ra các nhiệm vụ như: Hoàn thiện cơ bản hệ thống các văn bản quy định, pháp luật về quản lý, triển khai áp dụng và xử lý vi phạm về truy xuất nguồn gốc. Hoàn thiện nâng cấp Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa quốc gia, bảo đảm kết nối 100% hệ thống truy xuất nguồn

gốc của các bộ, cơ quan liên quan và ít nhất 70% trong tổng số các đơn vị cung cấp giải pháp tại Việt Nam.

Chia sẻ về việc xây dựng, vận hành Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia, ông Bùi Bá Chính, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Mã số mã vạch quốc gia (Bộ KH&CN) cho biết, việc quản lý thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm tập trung trên Công thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia là đòi hỏi bức thiết.

Công này sẽ kết nối các hệ thống truy xuất nguồn gốc trong nước và quốc tế; quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu sản phẩm, hàng hóa trong nước và quốc tế; chia sẻ dữ liệu truy xuất nguồn gốc giữa các hệ thống. Thực hiện, giám sát, đánh giá các công việc liên quan quản lý truy xuất nguồn gốc; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức trên toàn quốc. Công thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia cũng dựa trên số liệu báo cáo, thống kê và công nghệ AI để phân tích trợ giúp cơ quan quản lý đưa chính sách kịp thời, phù hợp.

(chinhphu.vn)

TIÊU CHUẨN HÓA GIÚP

DOANH NGHIỆP XÁC ĐỊNH CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM THÔNG QUA TỪNG TIÊU CHUẨN CỤ THỂ

Khi hoạt động tiêu chuẩn hoá được đẩy mạnh, doanh nghiệp sẽ xác định được chuẩn mực của hoạt động sản xuất kinh doanh, xác định chất lượng sản phẩm thông qua tiêu chuẩn cụ thể. Từ đó, xác định rõ và có phương pháp cải tiến quy trình sản xuất, cải tiến cách thức tạo ra sản phẩm chất lượng. Để làm được điều này cần lấy tiêu chuẩn làm cơ sở đối chiếu, so sánh.

Trong bối cảnh Việt Nam tham gia rất sâu rộng vào các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới song phương và đa phương, Chính phủ đã xây dựng các kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Thực tế trên đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động tiêu chuẩn hóa.

Theo đó, hoạt động tiêu chuẩn hóa cần đổi mới, xác định con đường mới để phục vụ tốt hơn cho sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, đồng thời giải quyết hàng loạt thách thức phải đối mặt như đại dịch Covid-19, suy thoái

tài nguyên...

Bên cạnh đó, chúng ta cũng cần có cách thức để kịp thời định hướng cộng đồng doanh nghiệp, xã hội ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu, các vấn đề nâng cao chất lượng cuộc sống. Xây dựng Chiến lược tiêu chuẩn hóa là yêu cầu tất yếu, góp phần thúc đẩy việc thực hiện thành công các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp.

Nói về vai trò của chiến lược Tiêu chuẩn hóa đối với doanh nghiệp, ông Phùng Mạnh Trường - Phó Viện trưởng phụ trách Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TCĐLCL) cho biết, tiêu chuẩn hoá mang đến cả cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, dù là cơ hội hay thách thức chúng ta nên đón nhận ở khía cạnh tích cực.



Ông Phùng Mạnh Trường - Phó Viện trưởng phụ trách Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Trước tiên về mặt cơ hội, một là,

khi hoạt động tiêu chuẩn hoá được đẩy mạnh, doanh nghiệp sẽ xác định được chuẩn mực của hoạt động sản xuất kinh doanh, xác định chất lượng sản phẩm thông qua tiêu chuẩn cụ thể. Từ đó, xác định rõ và có phương pháp cải tiến quy trình sản xuất, cải tiến cách thức tạo ra sản phẩm chất lượng. Để làm được điều này cần lấy tiêu chuẩn làm cơ sở đối chiếu, so sánh.

Hai là, doanh nghiệp cũng có khả năng nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn, gia tăng khả năng mở rộng thị trường, thâm nhập các thị trường trên thế giới.

Ba là, thông qua tiêu chuẩn hoá, doanh nghiệp giảm được chi phí sai lỗi, nâng cao chất lượng quy trình, chất lượng sản phẩm hàng hoá, tối ưu hoá hiệu quả hoạt động.

Bốn là, doanh nghiệp thông qua tiêu chuẩn hoá có khả năng nâng cao năng lực quản lý, quản trị, điều hành. Đây cũng là điều mà nhiều doanh nghiệp Việt Nam hiện nay đang chú trọng.

Năm là, thông qua quá trình xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, doanh nghiệp sẽ có định hướng để đầu tư nguồn lực phù hợp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hệ thống

máy móc, phòng thử nghiệm, phát triển sản phẩm, hệ thống điều hành doanh nghiệp.

Về mặt thách thức, ông Trường cho rằng, trong bối cảnh vai trò của tiêu chuẩn ngày càng được chú trọng ở cấp độ doanh nghiệp, tiêu chuẩn hoá cũng tạo ra môi trường cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Doanh nghiệp nào nắm bắt được cơ hội, xu hướng đổi mới thì sẽ có khả năng nâng cao vị thế trên thị trường.

Xu hướng tiêu chuẩn hoá cũng khiến doanh nghiệp bắt buộc phải có những đầu tư để đáp ứng yêu cầu từ các tiêu chuẩn về sản phẩm hàng hoá, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Ra tới sân chơi lớn cuộc cạnh tranh sẽ là sòng phẳng, ai bắt kịp xu hướng sẽ thành công, còn không sẽ là thách thức.

(tbtagi.angiang.gov.vn)

PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC TIÊU CHUẨN HÓA QUỐC GIA CỦA TỔ CHỨC TIÊU CHUẨN HÓA QUỐC TẾ (ISO)

Trong cuộc Hội thảo khu vực từ 8 – 12/5/2023 diễn ra tại Đà Nẵng, các chuyên gia tư vấn của ISO đã chia sẻ thông tin chi tiết về những điểm quan trọng trong quá trình

xây dựng Chiến lược Tiêu chuẩn hóa quốc gia của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO).



Tính cần thiết của Chiến lược Tiêu chuẩn hóa quốc gia

Về tính cần thiết của Chiến lược Tiêu chuẩn hóa quốc gia (NSS) tại mỗi quốc gia, theo ISO, NSS là lộ trình chính sách để một quốc gia đảm bảo rằng các ưu tiên chiến lược quốc gia của quốc gia đó được hỗ trợ bởi các Tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế có liên quan. NSS được điều phối bởi cơ quan tiêu chuẩn quốc gia (NSB), đảm bảo các tiêu chuẩn phù hợp nhất đang được phát triển với bối cảnh quốc gia có thể được xác định để cung cấp phân bổ nguồn lực hiệu quả.

Mục đích chính của việc xây dựng NSS nhằm đảm bảo rằng: Việc xây dựng các tiêu chuẩn mới hay chấp nhận các tiêu chuẩn hiện có được dựa trên cơ sở hiểu rõ về các ưu tiên quốc gia trong lĩnh vực kinh tế và thương mại, xã hội, môi

trường hoặc các lĩnh vực khác. Quá trình xây dựng hoặc hài hòa tiêu chuẩn cũng xem xét đến các lĩnh vực mới nổi quan trọng trong tương lai;

Quan điểm của các đối tượng khác nhau trong nước dù là Chính phủ hay không phải là cơ quan Chính phủ đều phải được xem xét để đảm bảo rằng NSS phù hợp với ưu tiên của các đối tượng này. Điều đó cũng có nghĩa các tiêu chuẩn này là công cụ để đạt được mục tiêu của các đối tượng được xem xét nêu trên;

NSS phản ánh đầy đủ lợi ích của các bên liên quan, hỗ trợ sự tham gia của các bên liên quan trong việc thực hiện NSS; Sử dụng tối ưu và hiệu quả nguồn lực quốc gia hữu hạn để xây dựng và hài hòa tiêu chuẩn; Việc hoạch định các nguồn lực thực hiện NSS là thực tế và công khai, minh bạch (không theo chủ nghĩa lạc quan cũng không bị các nhóm lợi ích dẫn dắt);

Tận dụng các dự án tiêu chuẩn hóa hiện có của quốc tế, khu vực và các dự án khác để hài hòa tiêu chuẩn hoặc tham gia tích cực các dự án để tiết kiệm nguồn lực và tránh đầu tư lãng phí vào xây dựng các giải pháp trong khi đã có tiêu chuẩn quốc tế.

Thông qua sử dụng tiêu chuẩn quốc tế là cơ sở để xây dựng quy chuẩn, các nước tránh được việc xây dựng rào cản kỹ thuật và đảm bảo thực hiện cam kết trong các thỏa thuận quốc tế. Qua đó hỗ trợ thực hiện các mục tiêu của chính sách công và tuân thủ các thực hành tốt, được quốc tế thừa nhận đối với hoạt động xây dựng tiêu chuẩn như quy tắc thực hành tốt về xây dựng, hài hòa và áp dụng tiêu chuẩn của WTO.

Một trong những khía cạnh quan trọng nhất của NSS là cơ sở của chiến lược dựa trên các ưu tiên về kinh tế, xã hội và môi trường của quốc gia – ưu tiên rõ ràng phù hợp với chiến lược chung của quốc gia – nhấn mạnh việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển tiêu chuẩn. NSS trực tiếp đề cập đến cả tầm nhìn trung và dài hạn của NSB và có thể được sử dụng như một công cụ để củng cố cơ sở hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI).

Phương pháp luận phát triển Chiến lược Tiêu chuẩn hóa quốc gia

Để đạt được mục tiêu này, ISO đã xây dựng phương pháp luận để phát triển NSS. Phương pháp luận cung cấp các đề xuất và công cụ để phát triển NSS, mô tả cách giải

quyết vấn đề này một cách tốt nhất từ góc độ quốc gia và từ bối cảnh cụ thể của quốc gia liên quan. Cần xác định một cách có phương pháp các ưu tiên quốc gia, xem xét ưu tiên và nhu cầu về kinh tế, thương mại, xã hội và môi trường của đất nước.

Trong phương pháp luận để phát triển NSS, ISO cũng hướng dẫn các cơ quan phát triển NSS về việc cân nhắc và tính toán đến các khía cạnh như nguồn lực nhân sự, nguồn tài chính, cấu trúc của dự thảo kế hoạch tiêu chuẩn hóa và kế hoạch áp dụng tiêu chuẩn hóa quốc gia.

Do đây là chủ đề được quan tâm gần đây bởi nhiều nước thành viên trên thế giới, hội thảo đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quan tâm và tổ chức thành công với sự chia sẻ kinh nghiệm của các nước trong khu vực ASEAN cùng với các chuyên gia ISO.

Kết thúc Hội thảo, ông Erich Kiech – Giám đốc phụ trách các chương trình xây dựng năng lực của ISO đã gửi thư cảm ơn Tổng cục TCDLCL đã phối hợp với ISO tổ chức thành công Hội thảo khu vực và hi vọng sẽ tiếp tục hợp tác với Tổng cục trong bối cảnh thực

thi Kế hoạch hành động của ISO dành cho các nước phát triển giai đoạn 2021 – 2025.

(tcvn.gov.vn)

CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH TCĐLCL: NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP CÓ THỂ SỬ DỤNG DỊCH VỤ SỐ MỌI LÚC, MỌI NƠI

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực là xu thế tất yếu tại Việt Nam, trong đó ngành TCĐLCL cũng không ngoại lệ. Có thể nói, trải qua hơn 60 năm hình thành và phát triển, ngành TCĐLCL đã có những đóng góp lớn lao cho sự phát triển kinh tế – xã hội đất nước. Khi bước vào công cuộc chuyển đổi số, ngành TCĐLCL đã nhanh chóng triển khai và xây dựng Đề án chuyển đổi số nhằm thúc đẩy hoạt động này.



Cơ sở triển khai chuyển đổi số ngành TCĐLCL

Theo TS. Hà Minh Hiệp – Phó Tổng cục trưởng phụ trách Tổng

cục TCĐLCL, cơ sở triển khai hoạt động chuyển đổi số ngành TCĐLCL được thể hiện tại một số văn bản như sau:

Thứ nhất, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tại Nghị quyết này, Bộ Chính trị xác định đây là nhiệm vụ lớn, cấp thiết trong xây dựng Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số là thành tố không thể tách rời trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đây là cơ sở cho các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và triển khai thực hiện một số chính sách nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử viễn thông, trong đó, cơ sở hạ tầng số, dữ liệu số, công nghệ số được xây dựng khá đồng bộ.

Thứ hai, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Hai quyết định này

đã khẳng định, Chính phủ số là chuyển đổi cách thức phục vụ người dân, doanh nghiệp giảm chi phí, tăng năng suất doanh nghiệp, tạo thuận lợi, mang lại sự hài lòng của người dân, để người dân, doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào hoạt động của cơ quan nhà nước để cùng tạo ra giá trị, lợi ích, sự hài lòng, niềm tin và đồng thuận xã hội. Chính phủ số chuyển đổi cách thức tổ chức, vận hành, môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình.

Thứ ba, Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 cũng nêu rõ “Xây dựng chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ”. Bộ KH&CN đã khẩn trương chỉ đạo các đơn vị xây dựng các Chiến lược, Đề án, nhiệm vụ khoa học công nghệ để sớm trình Thủ tướng phê duyệt và áp dụng, trong đó có Đề án Chuyển đổi số ngành TCĐLCL.

Thứ tư, Thông báo số 253/TB-VPCP ngày 20/8/2022 của Văn

phòng Chính phủ về Kết luận Phiên họp thứ ba của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số ngày 08/8/2022 về việc xây dựng Đề án Chuyển đổi số ngành TCĐLCL, Bộ KH&CN đã khẩn trương, phối hợp các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện xây dựng Đề án Chuyển đổi số ngành TCĐLCL đến năm 2025 định hướng đến năm 2030.

Xây dựng Đề án Chuyển đổi số

Với những quy định hiện hành, Tổng cục hiện đang xây dựng Đề án Chuyển đổi số trong ngành TCĐLCL, đây là nhiệm vụ quan trọng và khó khăn, vì khi chuyển sang phương thức làm việc mới đòi hỏi phải thay đổi về văn bản quy phạm pháp luật, nhận thức, phương thức làm việc.

Cụ thể, Đề án sẽ tập trung triển khai một số nền tảng dịch vụ như: Nền tảng thông tin đám mây số ngành TCĐLCL (Icloud – Standards, Metrology And Quality (iSTAMEQ)). Nền tảng này cho phép cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên môi trường số, tăng cường chia sẻ, kết nối, tiếp nhận thông tin, thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số, bảo đảm an toàn thông tin của tổ chức,

cá nhân theo quy định của pháp luật.

Đặc biệt, để tạo thuận lợi, minh bạch hai chiều đảm bảo quyền của người tiêu dùng, nhà sản xuất, người dân và doanh nghiệp khi sử dụng thiết bị công nghệ hoặc điện thoại thông minh có thể đối chiếu/tìm kiếm thông tin (tích hợp các giấy phép) trên một sản phẩm hợp pháp do các cơ quan ngành TCĐLCL cấp phép.

Nền tảng tích hợp dữ liệu số toàn ngành TCĐLCL theo nguyên tắc phân cấp, phân quyền đảm bảo khai thác phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Nền tảng số về phân tích, thống kê, báo cáo chuyên ngành; từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của các Bộ, ngành và địa phương nhanh chóng, kịp thời hỗ trợ việc ra quyết định dựa trên dữ liệu số ngành TCĐLCL.

Nghiên cứu, xây dựng, phát triển công nghệ số như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động (Mobility), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội,... trong chuyển đổi số ngành TCĐLCL, có khả năng khai thác các giá trị dữ liệu chuyên ngành cũng như tự động thay thế

con người thực hiện nhiều nhiệm vụ nhanh hơn, thông minh hơn trong hoạt động ngành TCĐLCL trong tương lai.

(tcvn.gov.vn)

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

DỰ KIẾN 5 GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI ÁP DỤNG TCVN ISO 18091:2020 TẠI VIỆT NAM

Việc áp dụng TCVN ISO 18091:2020 đang trong quá trình nghiên cứu thí điểm. Trong năm 2023, hỗ trợ triển khai áp dụng thí điểm TCVN ISO 18091:2020 Chương trình phối hợp giữa UBND TP Hải Phòng - Bộ Khoa học và Công nghệ và một số địa phương khác có nhu cầu.

Tại Việt Nam, ngày 31/12/2020, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố TCVN ISO 18091:2020. Theo TCVN ISO 18091:2020, một trong những thách thức lớn mà xã hội đang đối mặt hiện nay chính là nhu cầu xây dựng và duy trì lòng tin của công dân vào chính quyền và thể chế của chính quyền. TCVN ISO 18091:2020 tương đương với ISO 18091:2019 và thay thế TCVN ISO 18091:2015.

Theo đó, TCVN ISO 18091:2020 là phiên bản hướng dẫn mở rộng và

đầy đủ hơn dành cho đối tượng cụ thể là chính quyền địa phương. Trong đó, cơ quan nên xây dựng áp dụng TCVN ISO 18091:2020 gồm UBND cấp tỉnh, quận, huyện; UBND cấp xã, phường; Các cơ quan, tổ chức khác thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

Dự kiến gồm 5 giai đoạn triển khai áp dụng TCVN ISO 18091:2020, cụ thể: Giai đoạn 1: Chuẩn bị và khảo sát thông tin sơ bộ; Giai đoạn 2: Đào tạo phổ biến kiến thức cơ bản về Tiêu chuẩn TCVN ISO 18091; Giai đoạn 3: Hướng dẫn tự đánh giá quản lý chất lượng tổng thể theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 18091; Giai đoạn 4: Phê duyệt và thực hiện chương trình hành động về xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tổng thể theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 18091; Giai đoạn 5: Báo cáo kết quả thực hiện và duy trì hệ thống quản lý chất lượng tổng thể.

(tbtagi.angiang.gov.vn)

CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC GIA MỚI CÔNG BỐ VỀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM

Ngày 06/04/2023, Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban

hành Quyết định số 586/QĐ-BKHCN về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5603:2023 Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm. Tiêu chuẩn này được xây dựng trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn CODEX CXC 1-1969, bản soát xét 2020, General principles of food hygiene, thay thế TCVN 5603:2008 (CAC/RCP 1-1969, Rev.4-2003). Trong phiên bản năm 2020 này đã có nhiều thay đổi.

Về bố cục, nội dung tiêu chuẩn tách thành 2 chương: Chương 1 Thực hành vệ sinh tốt (GHP); Chương 2 Hệ thống phân tích mối nguy, điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), với các nội dung hướng dẫn chi tiết. Về kiểm soát mối nguy, chất gây dị ứng được đưa vào kiểm soát ngang hàng với 3 mối nguy truyền thông (sinh học, vật lý, hóa học). Tiêu chuẩn mới cũng linh hoạt trong việc áp dụng sơ đồ cây HACCP để xác định các điểm kiểm soát tới hạn (CCP).

Việc áp dụng TCVN 5603:2023 theo phiên bản cập nhật mới nhất của tiêu chuẩn Codex sẽ giúp doanh nghiệp xác định và kiểm soát các mối nguy tiềm ẩn, từ đó tiến hành khắc phục sớm, giảm được rất nhiều các rủi ro về an toàn thực phẩm.

Đồng thời, với TCVN 5603:2023, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng công bố TCVN ISO/TS 22002-5:2023 về vận chuyển và bảo quản thực phẩm. Đây là tiêu chuẩn thuộc bộ tiêu chuẩn TCVN ISO/TS 22002 (ISO/TS 22002) Chương trình tiên quyết về an toàn thực phẩm.

Như vậy, bộ TCVN ISO/TS 22002 sẽ có đủ 6 phần áp dụng cho chuỗi thực phẩm, bao gồm sản xuất bao bì thực phẩm; sản xuất thức ăn chăn nuôi; nuôi trồng; chế biến thực phẩm; vận chuyển và bảo quản; cung cấp thực phẩm. Đây là các tiêu chuẩn rất quan trọng hỗ trợ việc thực hiện TCVN ISO 22000:2018 Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – Yêu cầu đối với các tổ chức trong chuỗi thực phẩm.

(tcvn.gov.vn)

CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC GIA MỚI VỀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

Những năm gần đây, Việt Nam vươn lên vị trí thứ 6 thế giới và đứng thứ 2 châu Á về xuất khẩu mật ong. Ngành nuôi ong đang phát triển và xu hướng sản xuất mật ong hữu cơ ngày càng gia tăng. TCVN 11041-3:2017 quy định yêu cầu đối với quá trình

chăn nuôi theo phương thức hữu cơ, tập trung vào chăn nuôi gia súc và gia cầm.

Tuy nhiên, tiêu chuẩn này chưa có quy định cụ thể cho một số loại hình chăn nuôi đặc thù như nuôi ong.



Như vậy, đối với lĩnh vực chăn nuôi, cùng với tiêu chuẩn chung TCVN 11041-3:2017 về chăn nuôi hữu cơ, sẽ có một vài tiêu chuẩn đặc thù như TCVN 11041-7:2018 về sữa hữu cơ (quá trình nuôi bò sữa và thu hoạch, sơ chế, chế biến sữa hữu cơ), TCVN 11041-9:2023 về mật ong hữu cơ.

Đối với lĩnh vực trồng trọt, cùng với tiêu chuẩn chung TCVN 11041-2:2017 về trồng trọt hữu cơ, còn có một số tiêu chuẩn đặc thù như TCVN 11041-5:2018 về gạo hữu cơ (quá trình trồng lúa và thu hoạch, sơ chế, chế biến gạo hữu cơ), TCVN 11041-6:2018 về chè hữu cơ, TCVN 11041-11:2023 về nấm hữu cơ, TCVN 11041-12:2023 về rau mầm hữu cơ và TCVN 11041-13:2023 về trồng

trọt hữu cơ trong nhà màng, thùng chứa.

Bên cạnh trồng trọt và chăn nuôi thì nuôi trồng thủy sản hữu cơ cũng là lĩnh vực được quan tâm. Với bờ biển dài 3.260 km và diện tích mặt nước khoảng 1 triệu km², Việt Nam có tiềm năng để phát triển ngành rong biển. Việc nuôi trồng rong biển hữu cơ cũng là hướng đi tiềm năng. TCVN 11041-3:2023 về rong biển hữu cơ đã được đề xuất xây dựng để hỗ trợ hướng sản xuất này.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 317/QĐ-BKHCN về việc công bố 05 tiêu chuẩn quốc gia thuộc bộ tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041 (các phần từ Phần 09 đến Phần 13) đối với mật ong hữu cơ, rong biển hữu cơ, nấm hữu cơ, rau mầm hữu cơ đối với hoạt động trồng trọt hữu cơ trong nhà màng, thùng chứa.

(tcvn.gov.vn)

VĂN BẢN PHÁP LUẬT

BAN HÀNH 03 QCKT QUỐC GIA VỀ LINH KIỆN, THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải

TBT VÀ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG - 24

vừa ban hành Thông tư 04/2023/TT-BGTVT ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về linh kiện, thiết bị của phương tiện giao thông đường sắt.

Theo đó, Thông tư ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về linh kiện phương tiện giao thông đường sắt bao gồm: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bộ trục bánh xe của đầu máy, toa xe (QCVN 110:2023/BGTVT); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bộ móc nối, đỡ đầu của đầu máy, toa xe (QCVN 111:2023/BGTVT); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về van hãm sử dụng trên đầu máy, toa xe (QCVN 112:2023/BGTVT).

Cụ thể, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bộ trục bánh xe của đầu máy, toa xe (QCVN 110:2023/BGTVT) quy định các yêu cầu kỹ thuật và việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường đối với bộ trục bánh xe của đầu máy, toa xe sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới; Quy chuẩn này áp dụng cho bộ trục bánh xe của đầu máy, toa xe có mã HS là 8607.11.00 và 8607.12.00 được quy định theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng

hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; Quy chuẩn này không áp dụng cho bộ trục bánh xe của đầu máy, toa xe sử dụng trên đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao và đầu máy, toa xe của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bộ móc nối, đỡ đấm của đầu máy, toa xe (QCVN 111:2023/BGTVT) quy định các yêu cầu kỹ thuật và việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với bộ móc nối, đỡ đấm sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới của đầu máy, toa xe; Quy chuẩn này áp dụng cho bộ móc nối, đỡ đấm của đầu máy, toa xe có mã HS là 86.07.30.00 được quy định theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; Quy chuẩn này không áp dụng cho bộ móc nối, đỡ đấm của đầu máy, toa xe sử dụng trên đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao; đầu máy, toa xe của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về van hãm sử dụng trên đầu máy, toa xe (QCVN 112:2023/BGTVT) quy

định các yêu cầu kỹ thuật và việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường đối với van hãm (còn gọi là van phân phối) sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới sử dụng trên đầu máy, toa xe; Quy chuẩn này áp dụng cho van hãm sử dụng trên đầu máy, toa xe thuộc nhóm có mã HS là 8607.21.00 được quy định theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính ban hành danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; Quy chuẩn này không áp dụng cho van hãm sử dụng trên toa xe đường sắt đô thị; van hãm sử dụng trên toa xe đường sắt tốc độ cao; van hãm sử dụng trên đầu máy, toa xe của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Thông tư số 04/2023/TT-BGTVT có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2023.

(vietq.vn)

SỬA ĐỔI LUẬT TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ LUẬT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA PHÙ HỢP VỚI TÌNH HÌNH MỚI

Thời gian qua cho thấy Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã

bộc lộ những bất cập nhất định. Mục tiêu đặt ra là sửa đổi những quy định chưa phù hợp để phù hợp với tình hình mới.

Luật TC&QCKT và Luật CLSPHH đã bộc lộ những bất cập nhất định

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (TC&QCKT) ngày 29/6/2006 và Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa (CLSPHH) ngày 21/11/2007 là 02 Luật quan trọng, điều chỉnh về hoạt động xây dựng, công bố và áp dụng tiêu chuẩn, xây dựng, ban hành và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; và quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Thực tiễn sau hơn 16 năm triển khai thực hiện, 02 Luật trên đã phát sinh một số điểm không còn phù hợp thực tế hiện nay; chính vì vậy, cần thể chế hóa, nội luật hóa các cam kết quốc tế, đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do (FTA), tạo khuôn khổ pháp lý cụ thể cho hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (TC&QCKT), quản lý

chất lượng sản phẩm, hàng hóa (CLSPHH), đánh giá sự phù hợp (ĐGSPH) của Việt Nam.



Ảnh minh họa

Tại Hội thảo khoa học “Tăng cường, thúc đẩy công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong gia đoạn tới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế” được tổ chức tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng vừa qua, bà Nguyễn Thị Mai Hương - Vụ trưởng Vụ Đánh giá Hợp chuẩn hợp quy chia sẻ việc định hướng sửa đổi 02 Luật như sau:

Về định hướng sửa đổi Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật:

Bổ sung các quy định về minh bạch hoá; có chính sách tham gia vào các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn; hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia là thành viên chính thức của các Ban Kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế; cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia (vị trí, chức năng, nhiệm vụ); hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) và chỉ số

NQI nhằm thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng và triển khai đầy đủ các cam kết quốc tế về yêu cầu minh bạch hoá.

Xây dựng chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia nhằm giải quyết các bất cập trong công tác định hướng, kế hoạch tổng thể, xây dựng và triển khai áp dụng tiêu chuẩn của Việt Nam; nâng cao vai trò, tính dẫn dắt của hoạt động tiêu chuẩn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội.

Thúc đẩy xã hội hóa trong hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn thông qua việc xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn; ưu tiên sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo để xây dựng thành Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN).

Quy định thống nhất các khái niệm, nguyên tắc hoạt động về ĐGSPH giữa Luật TC&QCKT với Luật CLSPHH; quy định phạm vi, quyền, nghĩa vụ của tổ chức ĐGSPH theo quy định của các FTA thế hệ mới; quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng công nhận quốc gia nhằm tăng cường tính hiệu quả của hoạt động ĐGSPH.

Hoàn thiện quy định liên quan đến xây dựng, công bố TCVN, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP); hiệu quả hoạt động xây dựng, quản lý Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) gồm: Hoàn thiện quy định về nguyên tắc, căn cứ, trình tự xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành, áp dụng TCVN, QCVN, QCĐP; quy định về thẩm quyền xây dựng, công bố TCCS; quy định hoạt động thông báo TCCS tới cơ quan nhà nước để phục vụ quản lý, công tác hậu kiểm, truy xuất.

Tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin về TC, QCKT, đồng thời đảm bảo hiệu quả của hoạt động quản lý, khai thác tiêu chuẩn: Chuyển hoạt động xuất bản, phát hành tiêu chuẩn thành định, công bố, ban hoạt động quản lý, thác tiêu chuẩn: Chuyển hoạt động xuất bản, phát hành thành hoạt động quản lý, khai thác tiêu chuẩn, bao gồm cả hoạt động xuất bản, phát hành tiêu chuẩn; tạo cơ chế tiếp cận thông tin về TC, QCKT thuận lợi hơn.

Nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động của Ban kỹ thuật TCVN, tăng cường sự phối hợp giữa các bộ ngành và địa phương; có cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo nhân

lực hoạt động trong hoạt động TC, QCKT.

Định hướng sửa đổi Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa như sau:

Quy định về Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI): Các nguyên tắc, biện pháp để tổ chức thực hiện NQI.

Sửa đổi xác định sản phẩm, hàng hóa (SPHH) nhóm 2 và hoạt động kiểm tra chất lượng SPHH.

Quy định về quản lý chất lượng SPHH dựa trên ứng dụng mã số mã vạch (MSMV) như ứng dụng MSMV trong việc giám sát, quản lý chất lượng SPHH, giúp cho việc kết nối, thu thập, chia sẻ thông tin về sản phẩm dịch vụ; ứng dụng để truy xuất nguồn gốc, truy tìm nguyên nhân sự cố liên quan đến SPHH, triệu hồi SPHH, quản lý sản xuất, bán hàng, kho bãi, giao nhận vận chuyển.

Sửa đổi, bổ sung nội dung về hoạt động ĐGSPH như thay đổi cách thức quản lý các tổ chức ĐGSPH cho phù hợp với thực tế và hội nhập quốc tế; quy định về chỉ định tổ chức ĐGSPH theo hướng thừa nhận kết quả đánh giá chỉ định của các Bộ, kết quả công nhận của tổ chức công nhận; bổ sung quy định giao Bộ KH&CN quản lý

hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá, thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá công nhận, chuyên gia năng suất chất lượng.

Sửa đổi, bổ sung nội dung về kiểm soát viên chất lượng.

Quy định về Hợp pháp hóa lãnh sự, khái niệm Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau, khái niệm kiểm tra/xác minh, quy định về phí thực hiện ĐGSPH; quy định về giải quyết khiếu nại liên quan đến hoạt động ĐGSPH nhằm thực thi các cam kết trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP).

Sửa đổi, bổ sung các nội dung khác để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay và thông lệ quốc tế: Bổ sung cơ chế, chính sách về Giải thưởng Chất lượng Quốc gia; quy định về dấu hợp quy và công bố hợp chuẩn; quy định trách nhiệm của các Bộ quản lý chuyên ngành về chất lượng SPHH; bỏ quy định về phí và lệ phí, sửa quy định về xử lý vi phạm; chỉnh sửa, bổ sung quy định làm rõ về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, ghi nhãn bằng phương thức điện tử, xác định giá

trị SPHH vi phạm đã tiêu thụ, quy định về quản lý chất lượng hàng hóa trong hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.

Việc sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay nhằm kịp thời thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế; từ đó, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, chất lượng, thay đổi tư duy, nhận thức của doanh nghiệp và người tiêu dùng.

(vietq.vn)

CẢNH BÁO AN TOÀN THỰC PHẨM

WHO CẢNH BÁO 4 NHÓM THỰC PHẨM DỄ GÂY NGỘ ĐỘC BOTULINUM

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cũng đã đưa ra cảnh báo 4 nhóm thực phẩm dễ gây ngộ độc botulinum cho con người nhất.

Đồ hộp, đóng gói sẵn: do đặc điểm về môi trường kỵ khí và sinh bào tử, lại dễ lây nhiễm qua quá trình sản xuất, vận chuyển, bảo

quản nên độc tố botulinum rất dễ tồn tại trong các loại đồ ăn đóng hộp, đóng túi kín. Nhất là thịt, cá, sữa hộp, pho-mát, hải sản...

Các sản phẩm thịt chế biến sẵn: dù có được đóng hộp hay không, các loại thịt chế biến sẵn được xem là một trong những môi trường lý tưởng hàng đầu để vi khuẩn C. botulinum sinh sôi và gây hại cho con người. Trong khi đó, chúng ta lại thường xuyên tiêu thụ giảm bông, xúc xích, giò chả...

Chất độc botulinum toxin do vi khuẩn Clostridium botulinum ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe

Các loại rau củ lên men: lên men là một trong những phương pháp chế biến hoặc bảo quản rau củ rất phổ biến, nhất là ở các quốc gia châu Á. Ví dụ như: dưa muối, cà muối, kim chi, natto... Tuy nhiên, rau củ lên men cũng rất dễ trở thành con đường khiến độc tố botulinum xâm nhập và gây nguy hại cho con người. Đặc biệt là nếu quy trình lên men không đảm bảo vệ sinh hoặc để quá lâu ngày.

Các thực phẩm không được nấu chín trước khi ăn hoặc nấu chín nhưng để lâu dẫn đến bị ôi, thiu cũng có thể gây ngộ độc. Hay khi tự đóng gói thực phẩm tại nhà, nhất là nếu chưa chế biến kỹ lưỡng hoặc

bảo quản trong tủ lạnh sai cách cũng rất dễ gây ngộ độc botulinum.

Ngoài ra, vi khuẩn hoặc bào tử của *C.botulinum* cũng có thể tồn tại trong ruột cá, ruột gia súc. Vì vậy, nếu ăn các món chế biến từ nguyên liệu này mà chưa chín kỹ, còn sống hay tái thì khả năng bị ngộ độc botulinum là rất cao.

Khi độc tố botulinum trong thức ăn đi vào cơ thể qua đường tiêu hóa, chúng sẽ không bị phá hủy bởi axit dịch vị và các men tiêu hóa mà sẽ được hấp thu ở tá tràng và hồng tràng vào máu. Sau đó xâm nhập các tế bào thần kinh, ngăn chặn sự giải phóng chất dẫn truyền thần kinh acetylcholine tại các đầu mút thần kinh tiền sinap. Các xung động thần kinh bị ngưng trệ gây các triệu chứng liệt vận động. Các triệu chứng sau thường khởi phát sau 12-36 giờ sau ăn (có thể tới 1 tuần sau ăn).

Do đó, hãy đảm bảo luôn ăn chín uống sôi. Chỉ mua và sử dụng các thực phẩm chế biến sẵn, nhất là đồ đóng hộp đã được kiểm định, bảo đảm về chất lượng. Tuyệt đối không ăn thực phẩm đã hết hạn, khi vỏ bao bì hoặc túi đựng có dấu hiệu hư hại hoặc nấm mốc, biến dạng, hoen gỉ, không còn nguyên vẹn hoặc có mùi vị, màu sắc thay

đổi khác thường.

(vietq.vn)

TIN HOẠT ĐỘNG

1. TIN THẾ GIỚI

➤ **Hoa Kỳ gia hạn thời gian điều tra chống lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại đối với một số mặt hàng nhập khẩu từ Việt Nam**

Mới đây, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) thông báo gia hạn thời gian điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM đối với một số mặt hàng nhập khẩu từ Việt Nam, cụ thể như sau:

Gia hạn thời gian ban hành kết luận cuối cùng trong vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM đối với sản phẩm gỗ dán sử dụng nguyên liệu gỗ cứng nhập khẩu từ Việt Nam. Thời hạn ban hành kết luận cuối cùng dự kiến vào ngày 26 tháng 5 năm 2023.

Gia hạn thời gian ban hành kết luận cuối cùng trong vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM đối với sản phẩm pin năng lượng mặt trời nhập khẩu từ Việt Nam. Thời hạn ban hành kết luận cuối cùng của vụ việc dự kiến vào ngày 17 tháng 8 năm 2023.

Để đảm bảo lợi ích chính đáng

của doanh nghiệp, Cục PVTM khuyến nghị các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng liên quan tiếp tục cập nhật diễn biến vụ việc; thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu của cơ quan điều tra Hoa Kỳ, phối hợp chặt chẽ với Cục Phòng vệ thương mại trong suốt quá trình của vụ việc.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ: Phòng Xử lý phòng vệ thương mại nước ngoài, Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương, 23 Ngõ Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Chuyên viên phụ trách: Hà Văn Hiếu, Điện thoại: 024.7303.7898, Email: hieuhv@moit.gov.vn; ngocny@moit.gov.vn.

(pvtm.gov.vn)

➤ Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái ký Quyết định số 13/2023/QĐ-TTg ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Cụ thể, phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất gồm: Phế liệu sắt, thép, gang; phế liệu và mảnh vụn của nhựa (plastic); phế liệu giấy; phế liệu thủy tinh; phế liệu kim

loại màu.

Trong đó, phế liệu sắt, thép, gang gồm: Phế liệu và mảnh vụn của gang đúc (mã HS 7204 10 00); phế liệu và mảnh vụn của thép hợp kim: Bằng thép không gỉ (mã HS 7204 21 00); phế liệu và mảnh vụn của thép hợp kim: Loại khác (mã HS 7204 29 00); phế liệu và mảnh vụn của sắt hoặc thép tráng thiếc (mã HS 7204 30 00); phế liệu và mảnh vụn khác.

Phế liệu và mảnh vụn của nhựa (plastic) gồm: Từ các polyme từ etylen: Dạng xốp, không cứng (mã HS 3915 10 10); từ các polyme từ etylen: Loại khác (mã HS 3915 10 90); từ các polyme từ styren: Loại khác: Polyme Styren (PS), Acrylonitrin Butadien Styren (ABS); High Impact Polystyrene (HIPS); Expanded Polystyrene (EPS) (mã HS 3915 20 90);...

Phế liệu giấy: Giấy kraft hoặc bì kraft hoặc giấy hoặc bì sóng, chưa tẩy trắng (mã HS 4707 10 00); giấy hoặc bì khác được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình hóa học đã tẩy trắng, chưa nhuộm màu toàn bộ (mã HS 4707 20 00); giấy hoặc bì được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình cơ học (ví dụ, giấy in báo, tạp chí và các ấn phẩm tương tự) (mã HS

4707 30 00).

Tổ chức, cá nhân trực tiếp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất chỉ được nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho cơ sở của mình theo đúng công suất thiết kế để sản xuất ra các sản phẩm, hàng hóa.

Về điều khoản chuyển tiếp, phế liệu giấy có mã HS 4707 90 00 được phép nhập khẩu từ nước ngoài theo giấy phép môi trường thành phần (Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất) đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 1/6/2023 được tiếp tục nhập khẩu đến hết hiệu lực của giấy phép môi trường thành phần.

Các phế liệu và mẫu vụn của nhựa có mã HS 3915 90 00 được phép nhập khẩu từ nước ngoài theo giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 1/6/2023 được tiếp tục nhập khẩu đến hết hiệu lực của giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường theo các mã HS tương ứng quy định trong Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất ban hành kèm theo Quyết

định này.

Các loại phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài theo giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 1/6/2023 có tên gọi khác (nhưng mã HS không thay đổi) so với Quyết định này thì được tiếp tục nhập khẩu đến hết hiệu lực của giấy phép môi trường hoặc giấy phép môi trường thành phần.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2023 và thay thế Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Kể từ ngày 1/6/2023, việc nhập khẩu xỉ hạt nhỏ (xỉ cát) từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép (có mã HS 2618 00 00) làm nguyên liệu sản xuất xi măng được thực hiện theo quy định của pháp luật sản phẩm, hàng hóa về vật liệu xây dựng.

(chinhphu.vn)

2. TIN TRONG NƯỚC

➤ Lễ Kỷ niệm 40 năm thành lập Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam

Ngày 19/05/2023, tại Hà Nội,

Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng – TCĐLCL) long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 40 năm thành lập (20/05/1983 – 20/05/2023).

Phát biểu khai mạc chương trình, ông Phùng Mạnh Trường cho biết, Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 150/QĐ ngày 20/05/1983 của Ủy ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ), với tên gọi lúc thành lập là Trung tâm Tiêu chuẩn Chất lượng trên cơ sở hợp nhất 5 phòng kỹ thuật thuộc Cục TCĐLCL Nhà nước.

Kể từ ngày thành lập Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam đến nay, ngày 20/05/2023 vẫn được lấy là ngày thành lập cơ quan. Tuy nhiên, hoạt động tiêu chuẩn hóa hình thành từ năm 1962 với vai trò là chuyên ngành phục vụ quản lý Nhà nước về tiêu chuẩn hóa. Những thành tựu đạt được của Tổng cục TCĐLCL trong hơn 60 năm qua có sự đóng góp không nhỏ của Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, đặc biệt đối với các hoạt động mang dấu ấn rất lớn của Viện là: Xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; mã

số mã vạch và Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

Hoạt động của Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam những năm qua đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Lao động hạng nhất, hạng nhì, hạng ba và nhiều bằng khen, giấy khen khác. Có được thành tích như vậy là nhờ sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, Bộ KH&CN, đặc biệt là Tổng cục TCĐLCL, sự giúp đỡ và phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của các đơn vị trong Tổng cục và sự đồng sức, đồng lòng, tận tâm của toàn thể công chức, viên chức, người lao động Viện qua các thế hệ.

Ông Phùng Mạnh Trường khẳng định: “Năm tháng trôi qua, biết bao thành quả đã đạt được, những kỷ niệm không thể quên, kinh nghiệm của lớp người đi trước tiếp tục được đội ngũ viên chức và người lao động của Viện trân trọng, nối tiếp. Tập thể đội ngũ hiện tại sẽ tiếp tục gìn giữ, phát huy truyền thống tốt đẹp nhằm phấn đấu đạt được nhiều thành tích hơn nữa trong thời gian tới để tiêu chuẩn luôn thúc đẩy xã hội tốt đẹp hơn”.

(tcvn.gov.vn)

➤ **Cuộc họp lần thứ 41 của**

ACCSQ/WG2 về đánh giá sự phù hợp

Thực hiện nghĩa vụ thành viên ASEAN, trong hai ngày từ ngày 09-10/5/2023 tại Đà Nẵng, Việt Nam, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã chủ trì tổ chức Cuộc họp lần thứ 41 của Nhóm công tác 2 về Đánh giá sự phù hợp trực thuộc Ủy ban Tư vấn về Tiêu chuẩn và Chất lượng ASEAN (ACCSQ/WG 2).

Đánh giá sự phù hợp là một trong những yếu tố cơ bản của cơ sở hạ tầng chất lượng ở bất kỳ quốc gia nào.

Với mục tiêu nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, hài hòa cơ sở hạ tầng trong ASEAN nhằm tạo thuận lợi cho thương mại tự do giữa các quốc gia thành viên, Nhóm công tác 2 của Ủy ban Tư vấn về Tiêu chuẩn và Chất lượng của ASEAN (ACCSQ) đã nỗ lực trong việc hài hòa hoá các quy định và thông lệ của các quốc gia thành viên để thiết lập và từng bước mở rộng các cơ hội cho doanh nghiệp thông qua xây dựng Hướng dẫn ASEAN về Công nhận và Đánh giá sự phù hợp, nâng cao năng lực cho hoạt động công nhận và đánh giá sự phù hợp tại các quốc gia thành viên, v.v...

Đại dịch Covid-19 đã làm gián đoạn chuỗi cung ứng và các nước ASEAN cần phải thích ứng với điều đó, coi đó là cơ hội để phát triển.

Phát biểu tại Lễ khai mạc cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng phụ trách Hà Minh Hiệp mong muốn nhóm công tác sẽ nắm bắt những yêu cầu mới như chuyển đổi số, phát triển bền vững và từ đó đề xuất những sáng kiến mới để trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp nhằm đáp ứng những thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế.

(tcvn.gov.vn)

➤ Xây dựng năng lực cho chuỗi thực phẩm bền vững nhằm nâng cao chất lượng và ATTP tại Việt Nam

Trong khuôn khổ hợp tác với Tổ chức Năng suất Châu Á (APO), ngày 09/5/2023, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng phối hợp với APO tổ chức Hội thảo khoa học “Xây dựng năng lực cho chuỗi thực phẩm bền vững nhằm nâng cao chất lượng và an toàn thực phẩm tại Việt Nam”.

Mục tiêu của hội thảo nhằm phổ biến, thúc đẩy hoạt động nâng cao chất lượng và an toàn thực phẩm tại Việt Nam thông qua năng suất,

nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về an toàn thực phẩm, sự phối hợp liên ngành trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm đặc biệt giúp đỡ các hộ kinh doanh, doanh nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, nông nghiệp công nghệ cao hướng đến kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu,...

Hội thảo đã nghe các chuyên đề về “Mô hình tích hợp quản lý chất lượng chuỗi cung ứng; công nghiệp 3.5 và đổi mới sáng tạo để cải thiện hiệu suất của nhà sản xuất – nghiên cứu điển hình Việt Nam” của TS. Hà Minh Hiệp – Phó Tổng cục trưởng phụ trách Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; chuyên đề “Công nghệ và quản lý an toàn thực phẩm tiên tiến” của bà Duranee Edwards – cố vấn Hiệp hội Khoa học và công nghệ thực phẩm Thái Lan; “Quản lý an toàn trong chuỗi cung ứng thực phẩm của TS. Tạ Thị Tô Quyên – Giảng viên Trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng – Chuyên gia Công nghệ thực phẩm; “Các ứng dụng số hóa cho chuỗi giá trị thực phẩm an toàn, chất lượng và đổi mới sáng tạo” của ông Yusuf Tokdemir – chuyên gia nông sản Thổ Nhĩ Kỳ và các ý kiến trao đổi

của đại biểu tham dự.

Hội thảo cũng là cơ hội để các bên liên quan chia sẻ vai trò và tác động của mình trong Hệ thống lương thực thực phẩm bền vững, cùng nhau tìm ra giải pháp giúp đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

(tcvn.gov.vn)

3. TIN ĐỊA PHƯƠNG

► Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

UBND tỉnh vừa ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 493/QĐ-TTg ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Kế hoạch được ban hành nhằm mục tiêu phát triển xuất nhập khẩu bền vững với cơ cấu cân đối, hài hòa, phát huy lợi thế cạnh tranh, lợi thế so sánh, phát triển thương hiệu hàng hóa Việt Nam, gia nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu, là động lực của tăng trưởng kinh tế.

Cụ thể, phấn đấu đến năm 2030, toàn Tỉnh đạt tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa không tính dầu

khí bình quân 7-9%/năm; tốc độ tăng trưởng nhập khẩu hàng hóa bình quân 5-6%/năm; tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến, chế tạo xuất khẩu lên 90%; tăng tỷ trọng thị trường xuất khẩu khu vực châu Âu lên 10-15%, khu vực châu Mỹ lên 15-18%.

Đồng thời, giảm tỷ trọng thị trường xuất khẩu khu vực Châu Á từ 50-57%; tăng tỷ trọng thị trường nhập khẩu từ khu vực Châu Âu, Châu Mỹ lên 10-11% tổng kim ngạch nhập khẩu; giảm tỷ trọng thị trường nhập khẩu từ khu vực Châu Á xuống khoảng 55% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Bên cạnh đó, hoạt động dịch vụ logistics kết hợp với xuất khẩu đạt hiệu quả, đảm bảo mục tiêu doanh thu xuất khẩu cao nhất, đồng thời tối ưu hóa chi phí logistics một cách hợp lý, phân bổ nguồn lợi từ hoạt động xuất khẩu một cách hài hòa.

Để Chiến lược xuất nhập khẩu đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh đạt mục tiêu đề ra, UBND tỉnh triển khai một số giải pháp trọng tâm như: Phát triển sản xuất, tạo nguồn cung bền vững cho xuất khẩu; Phát triển thị trường xuất khẩu, nhập khẩu, bảo đảm tăng trưởng bền vững trong dài hạn; hoàn thiện thể

chế, tăng cường quản lý nhà nước trong tổ chức hoạt động xuất nhập khẩu nhằm tạo thuận lợi thương mại, chống gian lận thương mại và hướng tới thương mại công bằng; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển xuất khẩu; quản lý và kiểm soát nhập khẩu đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất trong nước và hướng đến cán cân thương mại lành mạnh, hợp lý.

UBND tỉnh cũng yêu cầu các Sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, và các nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình, lồng ghép thêm vào các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chương trình phát triển kinh tế xã hội khác mà các cơ quan đang phụ trách thực hiện nhằm đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

Trong quá trình triển khai Chương trình nếu có khó khăn, vướng mắc thì đề xuất, kiến nghị các giải pháp tháo gỡ kịp thời. Đồng thời, gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Công Thương trước ngày 01 tháng 12 hàng năm để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công Thương theo quy định.

(baria-vungtau.gov.vn)